TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 25-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 119/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh ngày 22 tháng 4 năm 1988 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là Thôn Đ, xã P, tỉnh Hưng Yên); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Vũ Thị K; có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 198 Đ, tổ dân phố M, phường N, quận A, Hải Phòng (nay là Số 198 Đ, tổ dân phố M, phường A, Hải Phòng); vắng mặt.

+ Anh Trần Đình H, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 198 Đ, tổ dân phố M, phường N, quận A, Hải Phòng (nay là Số 198 Đ, tổ dân phố M, phường A, Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 27/3/2025, Phạm Văn H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 61A-817.03 đến khu nhà trọ tại tổ dân phố M, phường N, quận A để tìm bạn nhưng không thấy. Khi nhìn qua cửa sổ phòng trọ số 2 thấy anh Trần Đình H đang ngủ, bên cạnh để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, H nảy sinh ý định trộm cắp nên ra đường nhặt 01 đoạn tre khô dài khoảng 02 m, luồn qua song cửa sổ khều lấy được chiếc điện thoại trên. Sau đó, H điều khiển xe ô tô đi đến một khu nhà trọ khác gần đó, mục đích tiếp tục trộm cắp. H thấy phòng trọ số 3 cửa không khoá, nhìn qua cửa sổ thấy chị Nguyễn Thùy D đang ngủ, bên cạnh có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno10 pro màu xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen. H đẩy cửa đi vào lấy 02 chiếc điện thoại trên rồi lục túi xách của chị Dư lấy được số tài sản gồm: 01 đồng hồ (nữ), 460.000 đồng, 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng hoạ tiết cỏ 4 lá, 01 nhẫn kim loại màu vàng trên đính đá màu đỏ, 01 nhẫn kim loại màu trắng trên đính đá trắng, 01 đôi bông tai kim loại màu trắng đính hạt hình tròn, 01 chiếc bông tai kim loại màu vàng hoạ tiết "YSL" đính đá màu trắng, 01 lắc tay kim loại màu trắng đính đá hoạ tiết cỏ 4 lá, 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có hoạ tiết chữ "D". Đến 09 giờ cùng ngày, H mang 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO bán cho cửa hàng điện thoại T tại số 2 đường Đ, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình với giá 1.700.000 đồng. Số tài sản còn lại, H mang về nhà cất giấu.

Sau khi nhận được đơn trình báo của chị D, anh H, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ dữ liệu camera hiện trường. Ngày 03/4/2025 khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn H tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vật chứng thu giữ: 01 ô tô 61A - 817.03; 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE XS Max; số tiền 1.050.000 đồng, túi đỏ trong chứa đồ trang sức kim loại; 01 quần soóc màu ghi xám, 01 áo phông ngắn tay màu xanh (H mặc khi trộm cắp tài sản). Đối với 02 chiếc điện thoại Oppo, chủ cửa hàng T đã bán cho khách không xác định được lai lịch không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max có giá trị 2.500.000 đồng.

Kết luận giám định số 3109/KL-KTHS ngày 21/4/2025 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: đối với các đồ trang sức bị trộm cắp là hợp kim của đồng và kẽm. Kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 04/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Các đồ trang sức và đồng hồ nêu trên chỉ còn giá trị sử dụng, không còn giá trị thương mại. Đối với 01

điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno10 pro có giá trị 4.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 có giá trị 1.350.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 125/CT-VKSAD ngày 23/6/2025, Viện Kiểm sát nhân dân quận A (nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hải Phòng) đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách là từ 24 đến 30 tháng.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản và không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị D số tiền 10.000.000 đồng, anh H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, chị D và anh H không có yêu cầu bồi thường nào khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thùy D đồ trang sức và đồng hồ, trả cho anh Trần Đình H chiếc điện thoại IPHONE XS Max. Đối với xe ô tô 61A - 817.03, xác định là tài sản chung của vợ chồng H, chị Nguyễn Thị Tươi (vợ H) không biết H điều khiển xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho chị Tươi nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 quần soóc màu ghi xám, 01 áo phông ngắn tay màu xanh. Đề nghị trả lại bị cáo Phạm Văn H số tiền 1.050.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận A (nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hải Phòng) và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 27/3/2025 Phạm Văn H đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Trần Đình H 01 điện thoại di động Iphone XS Max trị giá 2.500.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thùy Dư 01 điện thoại OPPO Reno 10 pro trị giá 4.500.000 đồng, 01 điện thoại OPPO A57 trị giá 1.350.000 đồng và 460.000 đồng, một số đồ trang sức và đồng hồ chỉ còn giá trị sử dụng không còn giá trị thương mại. Tổng số tiền bị cáo H chiếm đoạt của anh Hoạt và chị D là 8.810.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng đối với bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự, trị an trên địa bàn nên việc đưa bị cáo ra xét xử nghiêm là cần thiết.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Phạm Văn H đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần phạm tội đều cấu thành tội phạm độc lập nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại* nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, quá trình điều tra các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bố bị cáo được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến nên bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về quyết định hình phạt:* Hội đồng xét xử nhận thấy nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này mặc dù bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các hành vi phạm tội của bị cáo đều ít nghiêm trọng, mặt khác bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo đều chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo không có tài sản riêng, không có việc làm và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã bồi thường cho chị D số tiền 10.000.000 đồng, anh Hoạt đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, chị D và anh H không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] *Về xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thùy D đồ trang sức và đồng hồ, trả cho anh Trần Đình H chiếc điện thoại IPHONE XS Max. Đối với xe ô tô 61A - 817.03, xác định là tài sản chung của vợ chồng H, chị Nguyễn Thị T (vợ H) không biết H điều khiển xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho chị Tươi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 quần soóc màu ghi xám, 01 áo phông ngắn tay màu xanh của bị cáo H không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa bị cáo không có nguyện vọng nhận lại nên cần tịch, thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 1.050.000 đồng của bị cáo H bị thu giữ, tại phiên tòa bị cáo khai là tài sản của cá nhân bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[10] Đối với anh T mua 02 chiếc điện thoại di động của H nhưng anh L không biết do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người

được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

"1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách."

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Văn H.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 quần soóc màu ghi xám, 01 áo phông ngắn tay màu xanh.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.050.000 đồng của bị cáo Phạm Văn H để đảm bảo việc thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2025 tại Phòng thi hành án Khu vực 2 - Hải Phòng và theo giấy nộp tiền ngày 24/7/2025).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Phòng THADS khu vực 2 - HP;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh